

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 192/2024/HSST

Ngày: 09/7/2024.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Việt Thống

2. Bà Phạm Thị Tuyết Nhung

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Phạm Việt Bắc – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 09/7/2024 tại Hội trường A - Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 169/2024/TLST-HS, ngày 11 tháng 6 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 182/2024/QĐXXST-HS, ngày 28 tháng 6 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1977, tại tỉnh Nghệ An.

Trú tại: Thôn H, xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 4/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Hữu T (đã chết); Con bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1949; Bị cáo có chồng là Lương Văn Q, sinh năm: 1972 (đã ly hôn); Bị cáo đang sống chung như vợ chồng với ông Nguyễn Minh D, sinh năm: 1971; Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2001, con nhỏ sinh năm 2005; Tiền sự: Không; Tiền án: Không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. (có mặt tại phiên tòa).

- Bị hại: Bà Nguyễn Thị Thủy B, sinh năm: 1978 (có mặt). Địa chỉ: 64 đường L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Minh D, sinh năm: 1971; Địa chỉ: T13, xã T, huyện B, tỉnh Đắk Lắk. (có mặt).

2. Ông Hồ Tân T, sinh năm: 1978; Địa chỉ: 64 đường L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Minh D (sinh năm 1971, hộ khẩu thường trú: T13, xã T, huyện B, tỉnh Đắk Lắk) chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2020 đến nay tại xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, nhưng chưa đăng ký kết hôn và chưa có con chung. Quá trình chung sống, H nghi ngờ ông D với bà Nguyễn Thị Thủy B (sinh năm 1978, trú tại: 64A đường L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk) có mối quan hệ tình cảm với nhau, nên H nhấn tin về việc ghen tuông với bà B. Khoảng 18 giờ 00 phút ngày 17/9/2023, H gọi điện thoại cho ông D nhưng ông D không nghe máy, nên H nghi ngờ ông D đi gặp bà B. Lúc này, H kiểm tra định vị xe ô tô (loại xe ô tô tải chở thùng Container) do ông D điều khiển, thì thấy xe ô tô đang đậu trong khu vực hẻm 426 đường P, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, nên H đi xe Taxi đến khu vực nơi đậu xe ô tô để tìm ông D. Khi đến nơi, H thấy xe ô tô đậu trước căn nhà địa chỉ: 426/16 đường P, phường T, thành phố B, nên H tiếp tục gọi điện thoại cho ông D nhưng không được. H ngồi đợi ở trong đường hẻm 426 đường P, phường T, thành phố B được một lúc, thì có 04 nam thanh niên (chưa xác định nhân thân, lai lịch) đi đến hỏi: “Sao cô lại ngồi ở đây khóc vậy”. H nói “chồng cô đậu xe ở đây và đi theo gái rồi”, một nam thanh niên nói lại “Thế cô ở đây làm gì” thì H nói “Cô ngồi đây để bắt quả tang”, một nam thanh niên khác nói “Biết đâu ông đi cả đêm thì cô ngồi đây đợi sao được”, H trả lời “trên xe nhà cô đang có tài sản của khách hàng ông không dám đi qua đêm đâu”. Lúc này, H nảy sinh ý định sẽ đánh ghen bà B và ông D nên nói với nhóm thanh niên “Các cháu đứng đây còn lâu không hay về, tí nữa ông và con đó mà về thì các cháu còn ở đây thì giúp hộ cô giữ ổng lại để cô kéo con này đánh cho nó một trận” thì 04 nam thanh niên này đồng ý. Đến khoảng 19 giờ 40 phút cùng ngày, sau khi bà Nguyễn Thị Thủy B và ông Nguyễn Minh D cùng nhau đi uống cà phê xong, bà B điều khiển xe ô tô hiệu Mitsubishi, loại Mirage, màu trắng, biển số 47A- 320.60 chở ông D đi đến đậu xe tại khu vực gần xe ô tô tải của ông D. Tại đây, ông D đưa số tiền 10.000.000 đồng (gồm 20 tờ tiền mệnh giá 500.000đồng, là tiền ông D nợ bà B trước đó) để trả cho bà B, thì bà B đếm tiền xong và để số tiền tại mặt đồng hồ trước vô lăng xe ô tô. Lúc này, H thấy xe ô tô mà bà B điều khiển đi vào trong hẻm, nên H nói với 04 nam thanh niên “đứng xe con đấy rồi”. H đợi

một lúc nhưng không thấy mở cửa xe, nên cùng 04 nam thanh niên đi đến bên cạnh chiếc xe. Bốn nam thanh niên đi vòng sang phía bên phụ của xe, còn H đi đến, áp sát mặt vào kính xe để quan sát bên trong xe thì nhìn thấy bà B đang ngồi ghế tài xế, ông D ngồi ghế bên phụ của xe, cả hai trong tư thế đang quay mặt vào nhau. Thấy vậy, H dùng tay trái kéo mở cửa xe bên tài ra, hô to “*Giờ thì hết chối cãi nha, bắt quả tang*”, thì bà B hô lên “*Anh! Anh! Anh!*”, ông D hô lên “*Cướp*”, H nói “*không phải cướp, mà là bắt quả tang*”. Tiếp đó, H thò tay phải vào trong túi xách đang đeo phía trước, móc ra một cây kéo bằng kim loại (dài 19,5cm, lưỡi màu trắng, đầu mũi kéo nhọn, phía tay cầm bọc nhựa màu xanh, đỏ) rồi hướng mũi kéo về phía bà B với mục đích cắt tóc bà B. Thấy vậy, bà B đưa hai tay lên đỡ, thì bị mũi chiếc kéo đâm vào lòng bàn tay phải gây thương tích, rồi bà B dùng tay giật được chiếc kéo và vứt vào khu vực để chân của ghế phụ xe ô tô. Tiếp đó, H và bà B tiếp tục dùng tay giằng co qua lại khiến đầu bà B đập vào khung cửa xe gây thương tích. Lúc này, ông D đang bị các nam thanh niên giữ lại thì vùng ra được và đi tới can ngăn, kéo H lùi về sau, đồng thời bà B cũng đẩy H ra rồi đóng cửa xe ô tô lại và điều khiển xe chạy về phía trước đi vào phía cuối đường trong hẻm. Sau khi bà B điều khiển xe ô tô di chuyển, H nhìn thấy 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Apple Iphone 13 Promax, màu xanh xám dưới nền đường, thì H đi đến nhặt chiếc điện thoại rồi cất vào túi xách đang đeo trên người. Sau đó, bà B quay đầu xe chạy ra hướng đường P, thành phố B, khi đi ngang qua nơi H đang đứng, thì H nhặt một cục đá (kích thước khoảng (3x3)cm) ném về phía xe của bà B nhưng không xác định trúng hay không. Sau khi điều khiển xe ô tô rời khỏi hẻm 426 đường P, bà B quan sát thấy có 02 xe mô tô (chưa xác định được đặc điểm xe và người điều khiển) chạy theo, nên bà B điều khiển xe ô tô chạy đến cuối đường Y, thành phố B thì xảy ra va chạm với 01 xe mô tô (chưa xác định được đặc điểm xe và người điều khiển) đi ngược chiều nhưng không xảy ra thương tích. Lúc này, bà B thấy hai xe mô tô mà bà B nghi đang đuổi theo rời đi, thì bà B cùng người xảy ra va chạm cùng nhau thỏa thuận, xin lỗi, rồi điều khiển xe ô tô về nhà. Sau đó, bà B phát hiện bị mất số tiền 10.000.000 đồng để ở mặt đồng hồ xe ô tô, xung quanh xe ô tô biển số 47A- 320.60 có nhiều vết xước, móp méo, nhưng không trình báo ngay sự việc đến cơ quan Công an, còn H và ông D thì ngủ lại trên xe ô tô tải đậu tại trong hẻm 426 đường P, phường T, thành phố B. Đến sáng ngày 18/9/2023, H đón xe đi về huyện C, tỉnh Đắk Lắk trước, thì ông D gọi điện thoại nói chiếc điện thoại mà H nhặt được là của bà B, nên H cầm chiếc điện thoại nhặt được quay lại thành phố B, rồi gọi điện nói ông D hẹn bà B để H gặp trả lại chiếc điện thoại và nói chuyện với bà B. Tuy nhiên, ông D không gọi điện được cho bà B, thì H nhắn tin cho bà B liên hệ để nhận lại chiếc điện thoại nhưng không được nên H đi về.

Tiếp đó, đến khoảng 12 giờ 30 phút cùng ngày, H đăng lên trang Facebook cá nhân “h ng” với nội dung “*Cháo cô giáo T B, xin giới thiệu tôi là vợ của anh d. tôi qua tôi có nhặt đc chiếc đt chỗ sát bánh xe chồng tôi đậu, sáng nay tôi nghe chồng tôi bảo đt của cô tôi qua cô chở chồng đánh rớt lúc đó. nay bà có muốn xin lại không tôi cho xin. tôi có gọi cho cô mà cô không nge máy, nếu cô bận quá tôi đem lên trường cho*” với mục đích tìm những người bạn bè của bà B khi xem được bài đăng này để họ nhắc lại với bà B đến gặp H lấy lại chiếc điện thoại. Đến 18 giờ 50 phút ngày 18/9/2023, bà Nguyễn Thị Thủy B trình báo sự việc đến Cơ quan Công an để giải quyết theo quy định của pháp luật. Ngày 06/11/2023, bà Nguyễn Thị Thủy B làm đơn yêu cầu khởi tố vụ án hình sự và xử lý đối với Nguyễn Thị H.

Quá trình điều tra, xác minh, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B tạm giữ của bà Nguyễn Thị Thủy B: 01 chiếc kéo bằng kim loại, lưỡi màu trắng, đầu mũi kéo nhọn, phía tay cầm bọc nhựa màu xanh, đỏ, chiều dài 19,5cm, bề ngang 10cm; tạm giữ của Nguyễn Thị H 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Apple Iphone 13 promax, màu xanh xám, để phục vụ công tác điều tra.

Tại bản Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 541/KLTTCT-PY ngày 24/10/2023 của Trung tâm Pháp y tỉnh Đắk Lắk, kết luận bà Nguyễn Thị Thủy B bị các thương tích:

- Vết thương để lại sẹo nằm chéo kẽ ngón I, II bàn tay phải, bờ đều, gọn, kích thước (1 x 0,1)cm.

- Vết thương để lại sẹo nằm chéo mặt lòng đốt gần, ngón II, bàn tay phải, bờ đều, gọn, kích thước (0,7 x 0,1)cm.

- Chấn thương phần mềm: Sưng nề đầu vùng đỉnh trái, Xây xước vùng đầu đỉnh trái tại thời điểm giám định đã lành, không để lại sẹo, không làm biến đổi sắc tố da.

Tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích gây nên là 2%.

- Vật tác động: Vật sắc và Vật tày cứng.

- Cơ chế hình thành thương tích:

- + Vết thương để lại sẹo nằm chéo kẽ ngón I, II bàn tay phải, bờ đều, gọn; Vết thương để lại sẹo nằm chéo mặt lòng đốt gần, ngón II, bàn tay phải, bờ đều, gọn là do tác động trực tiếp của Vật sắc hướng từ trước ra sau, từ trên xuống dưới, từ phải qua trái;

- + Sưng nề đầu vùng đỉnh trái; xây xước vùng đầu đỉnh trái là do tác động trực tiếp của Vật tày, cứng.

Sau khi xảy ra sự việc, Cơ quan điều tra đã tiến hành khám phương tiện là chiếc xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi Mirage, màu sơn trắng, mang biển số 47A-320.60, ghi nhận: Ở cản xe phía trước bên tài có 01 vết trầy xước bong tróc sơn xe

kích thước (1x13)cm và phần cản xe bị bung khỏi về xe bên trái ra khỏi vị trí ban đầu 1cm; Hồng bên phải xe bên phụ, có dấu vết móp dài 15cm (trong đó phần cửa trước bị móp 9cm, kéo qua phần cửa sau bị móp 6cm; Về bên phải xe phía sau gần lớp xe sau bên phụ bị móp nhẹ, trầy xước bong tróc lớp sơn có chiều dài 17cm; Phần cửa sau bên tài bị một vết móp, xước lớp sơn xe có chiều dài 5cm.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 60/KL-HĐĐGTS, ngày 15/3/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố B kết luận giá trị thiệt hại tại từng vị trí của chiếc xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi, số loại Mirage, biển số: 47A-320.60, thời điểm định giá ngày 17/9/2023, cụ thể như sau:

- Giá trị thiệt hại tại vị trí cản trước bên tài gồm: Giá trị vật tư sơn mới, trị giá 510.000 đồng; Công dịch vụ thay thế, sửa chữa: 300.000 đồng; Giá trị vật tư đã qua sử dụng: 341.000 đồng.

- Giá trị thiệt hại tại vị trí hông bên phải xe bên phụ, gồm: Giá trị vật tư sơn mới, trị giá 1.840.000 đồng; Công dịch vụ thay thế, sửa chữa: 650.000 đồng; Giá trị vật tư đã qua sử dụng: 1.232.000 đồng.

- Giá trị thiệt hại tại vị trí về phải xe phía sau gần lớp xe sau gồm: Giá trị vật tư sơn mới, trị giá 510.000 đồng; Công dịch vụ thay thế, sửa chữa: 300.000 đồng; Giá trị vật tư đã qua sử dụng: 341.000 đồng.

- Giá trị thiệt hại tại vị trí cửa sau bên tài gồm: Giá trị vật tư sơn mới, trị giá 920.000 đồng; Công dịch vụ thay thế, sửa chữa: 300.000 đồng; Giá trị vật tư đã qua sử dụng: 616.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số: 176/CT-VKSTP.BMT ngày 10/6/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị H về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, đã phân tích, chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo và giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Nguyễn Thị H về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự, như nội dung bản Cáo trạng số: 176/CT-VKSTP.BMT ngày 10/6/2024, của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị H phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134, Các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị H mức án từ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho bị cáo hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng tính từ ngày tuyên án.

****/ Các biện pháp tư pháp:*** Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 584, 585, 590, 591 Bộ luật dân sự.

- *Về phần xử lý vật chứng:* Đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 chiếc kéo bằng kim loại, lưỡi màu trắng, đầu mũi kéo nhọn, phía tay cầm bọc nhựa màu xanh, đỏ, chiều dài 19,5cm, bề ngang 10cm, là của bị cáo Nguyễn Thị H sử dụng gây thương tích cho bà B.

Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã trả 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Apple Iphone 13 promax, màu xanh xám, là tài sản của bà Nguyễn Thị Thủy B nhận quản lý, sử dụng.

-*Về phần dân sự của vụ án:* Đề nghị buộc bị cáo Nguyễn Thị H phải bồi thường cho bà Nguyễn Thị Thủy B tổng số tiền là 10.000.000 đồng, trong đó: Tiền điều trị, thuốc men là 1.410.000 đồng (có hóa đơn chứng từ); Tiền chi phí phục hồi sức khỏe 1.570.000 đồng, Tiền bù đắp về tổn thất, tinh thần là 03 lần mức lương cơ sở x 2.340.000 đồng = 7.020.000 đồng (Bị cáo H được khấu trừ số tiền 10.000.000 đồng đã tự nguyện giao nộp).

Bị cáo, bị hại không bổ sung gì thêm không tham gia tranh luận gì khác, bị cáo chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, Điều tra viên, Kiểm sát viên, thực hiện trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không xuất trình thêm chứng cứ tài liệu gì, bị cáo cũng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do vậy, các hành vi của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, thực hiện trong quá trình điều tra đã thực hiện đều đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, nhân chứng và phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa.

Như vậy đã có đủ cơ sở pháp lý để kết luận hành vi của bị cáo Nguyễn Thị H đã phạm tội: “Cố ý gây thương tích”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 của Bộ luật hình sự.

Điều 134 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Dùng vũ khí, vật liệu nổ, hung khí nguy hiểm;

Xét hành vi của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, bởi lẽ hành vi của bị cáo đã xâm phạm sức khỏe của người khác, gây hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân, làm mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo nhận thức được sức khỏe của mọi công dân là vốn quý được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm đến sức khỏe của người khác là vi phạm pháp luật, hành vi đó sẽ bị pháp luật trừng trị. Do có mâu thuẫn giữa hai bên nên vào khoảng 19 giờ 40 phút ngày 17/9/2023, tại khu vực trước căn nhà địa chỉ: 426/16 đường P, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, Nguyễn Thị H có hành vi sử dụng tay và 01 chiếc kéo bằng kim loại, lưỡi màu trắng, đầu mũi kéo nhọn, phía tay cầm bọc nhựa màu xanh, đỏ, chiều dài 19,5cm, bề ngang 10cm gây thương tích cho bà Nguyễn Thị Thủy B. Tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích gây nên của bà Bình là 02%. Hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm hại đến sức khỏe, làm ảnh hưởng đến cuộc sống, sinh hoạt bình thường của người bị hại. Do vậy, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự do hành vi phạm tội của mình gây ra.

[3] Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Xét về nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo có nhân thân tốt. Khi phạm tội bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, sau khi phạm tội bị cáo đã tự nguyện nộp tiền để khắc phục hậu quả bồi thường cho người bị hại. Vì vậy, cần xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử sẽ xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Từ những nhận định nêu trên, xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự và có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần giao bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát giáo dục bị cáo là đủ tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội về sau là phù hợp với quy định của pháp luật.

Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Xét mức hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị xử phạt đối với bị cáo là phù hợp nên cần chấp nhận.

Trong vụ án này, đối với việc bà Nguyễn Thị Thủy B tố giác bị cáo Nguyễn Thị H có hành vi cướp tài sản là chiếc điện thoại nhãn hiệu Apple Iphone 13

promax, màu xanh xám, quá trình điều tra xác định: Sau khi đánh bà B, H nhặt được chiếc điện thoại di động dưới nền đường và lúc này H không biết ai là chủ sở hữu của chiếc điện thoại (màn hình khóa điện thoại không cài đặt hình đại diện). Đến sáng ngày 18/9/2023, khi H được ông D cho biết chiếc điện thoại là của bà B, thì H liền cầm chiếc điện thoại nhặt được quay lại thành phố B, rồi gọi điện nói ông D gọi điện cho bà B để H gặp trả lại chiếc điện thoại, đồng thời H nhắn tin cho bà B liên hệ nhận lại chiếc điện thoại nhưng không được. Tiếp đó, đến khoảng 12 giờ 30 phút cùng ngày, H đăng lên trang Facebook cá nhân với nội dung H có nhặt được chiếc điện thoại của bà B, với mục đích tìm những người bạn bè của bà B khi xem được bài đăng này để họ nhắn lại với bà B đến gặp H lấy lại chiếc điện thoại. Ngoài ra, H không mang chiếc điện thoại cầm cố, hay mua bán với người khác, nên H không có ý thức chiếm đoạt chiếc điện thoại. Do vậy, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với H về hành vi Cướp tài sản là có căn cứ.

- Đối với 04 nam thanh niên có hành vi giúp sức giữ ông D lại để H thực hiện hành vi đánh bà B gây thương tích, hiện Cơ quan điều tra chưa xác định được nhân thân, lai lịch của những người này nên tách ra khỏi vụ án tiếp tục xác minh, làm rõ, xử lý sau là phù hợp nên cần chấp nhận.

- Đối với việc bà B trình báo bị mất số tiền 10.000.000 đồng, quá trình điều tra Nguyễn Thị H không thừa nhận lấy số tiền này và Cơ quan điều tra đã tiến hành điều tra, xác minh nhưng chưa xác định được người chiếm đoạt số tiền trên của bà B, nên tách ra khỏi vụ án để tiếp tục xác minh, làm rõ, xử lý sau là phù hợp nên cần chấp nhận.

- Đối với hành vi H dùng 01 cục đá ném về phía xe ô tô biển số 47A- 320.60, nhưng H không xác định được có ném trúng xe ô tô hay không. Quá trình điều tra, bà B trình bày H đứng ở phía trước, bên trái xe ô tô ném, còn H khai nhận đứng phía trước, bên phải xe ô tô ném (đều theo hướng ô tô di chuyển). Cơ quan điều tra đã tiến hành khám phương tiện là chiếc xe ô tô biển số 47A-320.60, ghi nhận: Cả hai bên hông (bên trái và bên phải) của xe ô tô đều có dấu vết bị móp, trầy xước và trị giá của những hư hỏng này đều dưới 2.000.000đồng. Ngoài ra, Cơ quan điều tra đã tiến hành điều tra, đối chất và thực nghiệm điều tra nhưng không có căn cứ xác định H có hành vi hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản đối với tài sản của bà B, nên không đề cập xử lý, là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[4] **Các biện pháp tư pháp:** Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 584, 585, 590, 591 Bộ luật dân sự.

- *Về phần trách nhiệm dân sự:* Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị hại bà B giữ nguyên yêu cầu buộc bị cáo H phải bồi thường cho bà B tổng số tiền là

62.500.000 đồng, gồm số tiền bị mất là 10.000.000 đồng; Tiền viện phí, thuốc men là 10.000.000 đồng; Trị giá chiếc điện thoại Iphone 13 promax, màu xanh xám là 32.500.000 đồng; Tiền sửa xe ô tô là 10.000.000 đồng, tuy nhiên đối với số tiền bị mất là 10.000.000 đồng, Trị giá chiếc điện thoại Iphone 13 promax, màu xanh xám là 32.500.000 đồng; Tiền sửa xe ô tô là 10.000.000 đồng. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bà B không cung cấp được chứng cứ chứng minh mình bị mất số tiền trên và cũng không có chứng cứ chứng minh việc bị cáo đã làm hư hỏng tài sản của bà B là chiếc xe ô tô và trị giá chiếc điện thoại nên không có cơ sở để chấp nhận buộc bị cáo phải bồi thường các khoản tiền trên. Đối với yêu cầu của bà B buộc bị cáo phải bồi thường tiền viện phí, thuốc men là có căn cứ nên cần buộc bị cáo H phải bồi thường cho bà B tổng số tiền là 10.000.000 đồng, trong đó: tiền điều trị, thuốc men là 1.410.000 đồng (có hóa đơn chứng từ); Tiền chi phí phục hồi sức khỏe 1.570.000 đồng, Tiền bù đắp về tổn thất, tinh thần là 03 lần mức lương cơ sở x 2.340.000 đồng = 7.020.000 đồng (Bị cáo H được khấu trừ số tiền 10.000.000 đồng đã tự nguyện giao nộp).

-Về phần xử lý vật chứng: Cần tịch thu tiêu hủy 01 chiếc kéo bằng kim loại, lưỡi màu trắng, đầu mũi kéo nhọn, phía tay cầm bọc nhựa màu xanh, đỏ, chiều dài 19,5cm, bề ngang 10cm, của bị cáo H sử dụng gây thương tích cho bà B.

Cần chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã trả 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Apple Iphone 13 promax, màu xanh xám, là tài sản của bà Nguyễn Thị Thủy B nhận quản lý, sử dụng.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí đối với số tiền phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị H phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134; Các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Thị H** 06 (sáu) tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Nguyễn Thị H cho Ủy ban nhân dân xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk giám sát giáo dục bị cáo. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Q, huyện C để giám sát, giáo dục bị cáo trong suốt thời gian thử thách. Nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp

hành hình phạt tù của bản án cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

***/ Các biện pháp tư pháp:** Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Các Điều 584, 585, 590, 591 Bộ luật dân sự.

- *Về phân trách nhiệm dân sự:* Buộc bị cáo Nguyễn Thị H phải bồi thường cho bà Nguyễn Thị Thủy B tổng số tiền là 10.000.000 đồng, trong đó: tiền điều trị, thuốc men là 1.410.000 đồng (có hóa đơn chứng từ); Tiền chi phí phục hồi sức khỏe 1.570.000 đồng, Tiền bù đắp về tổn thất, tinh thần 03 lần mức lương cơ sở x 2.340.000 đồng = 7.020.000 đồng (Bị cáo Nguyễn Thị H được khấu trừ vào số tiền 10.000.000 đồng đã tự nguyện giao nộp).

- *Về phân xử lý vật chứng:* Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc kéo bằng kim loại, lưỡi màu trắng, đầu mũi kéo nhọn, phía tay cầm bọc nhựa màu xanh, đỏ, chiều dài 19,5cm, bề ngang 10cm, đã qua sử dụng của bị cáo Nguyễn Thị H sử dụng gây thương tích cho bà B.

Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã trả 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Apple Iphone 13 promax, màu xanh xám cho bà Nguyễn Thị Thủy B nhận quản lý, sử dụng.

* Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị H phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

*** Nơi nhận:**

- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp. B;
- Thi hành án phạt tù (để thi hành);
- Chi cục THADS Tp. B;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo, các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Nguyễn Thị Thanh

